

Số: 33 /KL-UBND

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 28 tháng 11 năm 2018

### KẾT LUẬN THANH TRA

#### Việc quản lý, sử dụng ngân sách và các nguồn thu khác tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố

Thực hiện Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách và các nguồn thu khác tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố.

Xét báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của đối tượng thanh tra;

Đối chiếu với chế độ chính sách có hiệu lực tại thời điểm thanh tra,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm kết luận như sau:

#### A. KHÁI QUÁT CHUNG:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, biến đổi khí hậu.

+ Chủ tài khoản năm 2016, 2017: ông Võ Trọng

+ Kế toán: Từ tháng 01/2016 đến tháng 03/2016: kế toán Nguyễn Trung Chí Tâm; từ tháng 04/2016 đến tháng 09/2016: kế toán Nguyễn Thị Thúy An; từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2017: kế toán Nguyễn Thị Kim Xuân; từ tháng 01/2018 đến nay: kế toán Nguyễn Thị Song Thân.

+ Thủ quỹ: Năm 2016, 2017: Huỳnh Thanh Trang Thư

#### B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách và thu chi phí, lệ phí trong hai năm 2016, 2017:

- Năm 2016

Số dư năm trước chuyển sang: 22.424.962 đồng, trong đó: nguồn ngân sách nhà nước (tự chủ): 7.028.951 đồng; nguồn phí, lệ phí (phí bảo vệ môi trường): 15.396.011 đồng.



DVT: đồng

Nội dung	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm (kể cả bổ sung, điều chỉnh)	Tổng số được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Số dư kinh phí còn lại cuối năm
Nguồn ngân sách nhà nước cấp	7.028.951	1.644.542.966	1.651.571.917	1.616.547.414	35.024.503 gồm: - kinh phí tự chủ: 8.825.597; - kinh phí không tự chủ: 26.198.906
Nguồn phí bảo vệ môi trường được trích để lại	15.396.011	11.131.697	26.527.708	547.809	25.979.899

Trong năm 2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí bảo vệ môi trường với tổng số tiền là 55.658.484 đồng; nộp ngân sách nhà nước từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường (80%) số tiền: 44.526.787 đồng; số tiền thu phí bảo vệ môi trường được trích lại (20%): số tiền 11.131.697 đồng.

- Năm 2017:

Số dư năm trước chuyển sang: 34.805.496 đồng, trong đó: nguồn ngân sách nhà nước (tự chủ): 8.825.597 đồng; nguồn phí, lệ phí (phí bảo vệ môi trường): 25.979.899 đồng.

DVT: đồng

Nội dung	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm (kể cả bổ sung, điều chỉnh)	Tổng số được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Số dư kinh phí còn lại cuối năm
Ngân sách nhà nước cấp	8.825.597	1.451.236.590	1.460.062.187	1.353.049.005	107.013.182
Nguồn phí bảo vệ môi trường được trích để lại	25.979.899	10.467.638	36.447.537	21.638.134	14.809.403
<b>Tổng</b>	<b>34.805.496</b>	<b>1.461.704.228</b>	<b>1.496.509.724</b>	<b>1.374.687.139</b>	<b>121.822.585</b>

Trong năm 2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí bảo vệ môi trường với tổng số tiền là 41.945.775 đồng; nộp ngân sách nhà nước từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường (75%) số tiền: 31.478.137 đồng; số tiền thu phí bảo vệ môi trường được trích lại (25%): 10.467.638 đồng.

## II. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí và thu khác trong năm 2016, 2017:

### 1. Nguồn thu phí bảo vệ môi trường: thể hiện qua bảng sau:

*DVT: đồng*

Nội dung thu	Năm 2016			Năm 2017		
	Số tiền thu được trong năm	Số tiền phải nộp NSNN	Số tiền trích để lại đơn vị	Số tiền thu được trong năm	Số tiền phải nộp NSNN	Số tiền trích để lại đơn vị
Phí bảo vệ môi trường	55.658.484	44.526.787	11.131.697	41.945.775	31.478.137	10.467.638
<b>Tổng</b>	<b>55.658.484</b>	<b>44.526.787</b>	<b>11.131.697</b>	<b>41.945.775</b>	<b>31.478.137</b>	<b>10.467.638</b>

+ Năm 2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu, quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (để lại 20% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường để sử dụng cho hoạt động thu phí, công tác bảo vệ môi trường; phần còn lại 80% được nộp vào ngân sách nhà nước).

+ Năm 2017: Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 15/5/2017 Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu, quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Đến ngày 16/5/2017 áp dụng theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (để lại 25% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường để sử dụng cho hoạt động thu phí, công tác bảo vệ môi trường; phần còn lại 75% được nộp vào ngân sách nhà nước).

### 2. Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận:

Đối với khoản thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Phòng Tài nguyên và Môi trường nhận trích phí 3.000 đồng/hồ sơ từ Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận theo Quyết định số 309/2009/QĐ-UBND ngày 01/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai và đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Tình hình sử dụng các nguồn thu được trích để lại (theo Báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường):

**- Đối với phí bảo vệ môi trường:**

+ Năm 2016: Số tiền thu được trích giữ lại: 11.131.697 đồng.

Số chi trong năm: 547.809 đồng.

Tồn: 25.979.899 đồng.

+ Năm 2017: Số tiền thu được trích giữ lại: 10.467.638 đồng.

Số chi trong năm: 21.638.134 đồng.

Tồn: 14.809.403 đồng.

**- Đối với phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận:**

+ Năm 2017: Số tồn năm 2016 chuyển sang: 13.626.245 đồng.

Số tiền thu trong năm: 4.861.600 đồng.

Tổng số tiền được sử dụng: 18.487.845 đồng.

Tổng số chi trong năm: 14.991.909 đồng.

Tồn: 3.495.936 đồng.

**- Đối với kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án:**

+ Năm 2017: Số tồn năm 2016 chuyển sang: 17.747.401 đồng.

Số tiền thu trong năm: 71.793.642 đồng.

Tổng số tiền được sử dụng: 89.541.043 đồng.

Tổng số chi trong năm: 74.350.700 đồng.

Tồn: 15.190.343 đồng.

Qua làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận về số liệu kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án và phí thẩm định cấp giấy chứng nhận trong năm 2016 do thay đổi kế toán nên không báo cáo được số liệu thu, chi trong năm 2016 đối với kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án và phí thẩm định cấp giấy chứng nhận trong năm 2016 theo yêu cầu của Đoàn thanh tra. Kinh phí được trích lại từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường; phí thẩm định cấp giấy chứng nhận; kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án được sử dụng để chi phục vụ công tác thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chi vật tư văn phòng, văn phòng phẩm; chi hỗ trợ công tác kiểm tra môi trường, chi thẩm định phương án bồi thường các dự án.

Tuy không xác nhận được số liệu thu chi tách riêng kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án và phí thẩm định cấp giấy chứng nhận trong năm 2016 do thay đổi kế toán, nhưng căn cứ theo Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc năm 2016 đối với tài khoản 3712, Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định số liệu thu, chi tính chung đối với kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án và phí thẩm định cấp giấy chứng nhận như sau:

+ Số dư năm 2015 chuyển sang: 49.382.717 đồng (gồm kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án và phí thẩm định cấp giấy chứng nhận)

+ Số phát sinh tăng trong năm 2016: 141.212.951 đồng.

+ Số phát sinh giảm trong năm 2016: 159.222.022 đồng.

+ Số dư cuối kỳ: 31.373.646 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy, đơn vị có mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước để theo dõi nguồn thu phí, lệ phí. Số liệu thu, chi trong năm 2016, 2017 đối với các nguồn thu được trích giữ lại như: phí bảo vệ môi trường; phí thẩm định cấp giấy chứng nhận; kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án được thể hiện qua tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước (tài khoản số 3712.3.1012201.00000). Tình hình sử dụng các nguồn thu được trích lại thể hiện qua Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước cụ thể như sau:

- Năm 2016: Số dư đầu kỳ: 64.778.728 đồng

Phát sinh tăng trong kỳ: 152.344.648 đồng

Phát sinh giảm trong kỳ: 159.769.831 đồng

Số dư cuối kỳ: 57.353.545 đồng (trong đó: phí bảo vệ môi trường tồn: 25.979.899 đồng; kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án và phí thẩm định cấp giấy chứng nhận tồn đến ngày 31/12/2016 là: 31.373.646 đồng).

- Năm 2017: Số dư đầu kỳ: 57.353.545 đồng

Phát sinh tăng trong kỳ: 87.122.880 đồng

Phát sinh giảm trong kỳ: 110.980.743 đồng

Số dư cuối kỳ: 33.495.682 đồng.

Các nguồn thu được trích để lại gồm: phí bảo vệ môi trường; phí thẩm định cấp giấy chứng nhận; kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường các dự án đến cuối ngày 31/12/2017 tồn quỹ tại Kho bạc là **33.495.682 đồng** (trong đó: phí bảo vệ môi trường tồn: 14.809.403 đồng; phí thẩm định cấp giấy chứng nhận tồn: 3.495.936 đồng; kinh phí thẩm định hồ sơ thu hồi, bồi thường của các dự án tồn: 15.190.343 đồng).

### **III. Việc chấp hành chế độ kế toán:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm, đơn vị có theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ vào sổ sách và chứng từ kế toán. Báo cáo tài chính, đơn vị tiến

hành lập và báo cáo theo quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số chứng từ chi chưa chặt chẽ thể hiện qua các nội dung chi sau:

- Phiếu chi ngày 22/6/2017 thanh toán kinh phí thẩm định phương án bồi thường dự án Khu K1: 20.000.000 đồng, tuy nhiên Danh sách thanh toán kinh phí thẩm định phương án bồi thường dự án Khu K1 tháng 7+8+9/2016 có 01 người chưa ký danh sách nhận tiền (ông Đặng Đức Duy).

- Chứng từ chi thanh toán nội dung thẩm định phương án bồi thường các dự án: quản lý thiên tai WB5; khu quản lý, vận hành, khu chuyên gia và trụ sở ban quản lý dự án điện hạt nhân (Giấy rút tiền mặt số 01 ngày 29/01/2016) số tiền 20.890.000 đồng; danh sách thanh toán thiếu chữ ký nhận tiền của các ông, bà: Nguyễn Thị Huệ - Phó Chủ tịch UBND thành phố, Lê Hoàng Chương - Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trương Vinh Quang - Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị.

- Chứng từ chi thanh toán kinh phí thẩm định phương án bồi thường dự án Khu đô thị Đông Bắc K1 (Giấy rút tiền mặt số 04 ngày 25/4/2016) số tiền 30.000.000 đồng, danh sách thanh toán thiếu chữ ký nhận tiền của các ông, bà: Võ Trọng, Nguyễn Tấn, Nguyễn Xuân Thanh, Tăng Ngọc Quyên, Lê Thị Kim Uyên, Đặng Đức Duy, Lê Quốc Trung.

Qua làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định các chứng từ chi thanh toán thẩm định phương án bồi thường các dự án thực tế có chi theo danh sách nhận tiền cho tất cả những người có tên trong danh sách. Tuy nhiên, một số danh sách còn thiếu chữ ký người nhận tiền và đề nghị Đoàn thanh tra cho khắc phục bằng cách cho những người đã thực nhận ký nhận. Đ/c Thân - kiêm kế toán đã hoàn chỉnh đầy đủ các chứng từ đưa trực tiếp cho những người chưa ký, ký bổ sung vào danh sách thiếu chữ ký; đồng thời cung cấp cho Đoàn thanh tra các chứng từ này.

## **C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ:**

### **I. Kết luận:**

#### **1. Ưu điểm:**

Nhìn chung, việc quản lý, điều hành hoạt động thu, chi tài chính ngân sách cơ bản được thực hiện theo quy định của Nhà nước; việc công khai dự toán, quyết toán theo các biểu mẫu quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017.

#### **2. Khuyết điểm:**

Trong công tác quản lý thu - chi tài chính vẫn còn một số danh sách chi thanh toán kinh phí thẩm định phương án bồi thường các dự án chưa chặt chẽ: khi chi tiền cho người nhận mà không đưa ký vào danh sách nhận tiền, thiếu chữ ký của các cá nhân nhận tiền là không đảm bảo chứng từ thanh toán.

*Các thiếu sót trên của Phòng Tài nguyên và Môi trường, trách nhiệm thuộc về Trưởng phòng, kế toán, thủ quỹ thời điểm năm 2016, 2017.*

## II. Biện pháp xử lý:

Đề chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu:

1. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Nghiêm túc rút kinh nghiệm những thiếu sót trong công tác quản lý tài chính mà Đoàn Thanh tra đã nêu ra như: chi tiền nhưng không đưa ký nhận vào danh sách đối với một số cá nhân.

2. Giao Chánh Thanh tra thành phố:

Đôn đốc, theo dõi kết quả thực hiện kết luận; tổng hợp báo cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Kết luận thanh tra và niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại Phòng Tài nguyên và Môi trường theo Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung theo Kết luận cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (qua Thanh tra) trước ngày 22/01/2019. / /

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Thành ủy;
- Phòng TN-MT;
- Lưu VT, HSTT



CHỦ TỊCH

Bùi Văn Phú

